

Bản án số: 117A/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2022

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Thái;

- Ông Nguyễn Văn Chấn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Lương Thị Th, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 22/7/2002, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện L. Hai người sống

hạnh phúc một thời gian dài và đã có một con chung: Nguyễn Văn Th, sinh năm 2003.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là: Từ năm 2004 vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, đã nhiều lần anh Đ đánh chị; cuộc sống trong gia đình căng thẳng, ảnh hưởng đến con. Đến năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra, anh Đ tiếp tục đánh chị; chị và anh Đ sống ly thân, hai người không còn quan hệ vợ chồng từ thời điểm này. Xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên chị xin Đ ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung như trình bày ở trên, cháu Th đã lớn và trưởng Th chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị Th trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, to tiếng, bất đồng quan điểm; chị Th hay cãi anh, có một vài lần anh đánh chị Th; anh đánh chị Th là do anh uống rượu không làm chủ được bản thân. Chị Th đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2013, anh và chị Th không còn quan hệ vợ chồng nữa. Chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị Th đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị Th có một con chung như chị Th trình bày là đúng. Cháu Th đã lớn và trưởng Th anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Th không rút đơn khởi kiện. Chị Th giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và xin vắng mặt tại phiên tòa. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.*

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Th kết hôn ngày 22/7/2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Lục Nam; sau khi cưới, anh và chị Th về ở với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Do anh uống rượu không làm chủ Đ bản thân nên có một vài lần anh đánh chị Th, một tháng anh đánh chị Th từ 1 đến 2 lần, đánh xong lại thôi, vợ chồng sống bình thường. Vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Đến nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Th, chị Th làm đơn ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Th có một con chung là Nguyễn Văn Th, sinh năm 2003, cháu Th đã lớn và trưởng Th anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều: 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Cháu Th đã lớn và trưởng Th; chị Th và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu tiền án phí theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Đ thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Th có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị Th: Chị Th là nguyên đơn, có đơn xin xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị Th theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 22/7/2002, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Lục Nam theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Th và anh Đ đã sống hạnh phúc một thời gian và có một con chung là: Nguyễn Văn Th, sinh năm 2003.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2004 đến nay chị Th và anh Đ hay xảy ra cãi nhau, không ai bảo Đ ai; anh Đ đã nhiều lần đánh chị Th; đến năm 2013 thì chị Th và anh Đ lại xảy ra cãi nhau, chị Th đã bỏ về nhà về nhà mẹ đẻ ở, cả hai sống ly thân từ đây, không còn quan hệ vợ chồng. Tòa án đã hòa giải để các bên về đoàn tụ, nhưng chị Th từ chối đoàn tụ. Như vậy chị Th và anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt Đ, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Th Đ ly hôn anh Đ.

[2.3] Về con chung: Chị Th và anh Đ có một con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 17/7/2003. Hiện cháu Th đã lớn và trưởng Th; chị Th, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình; số tiền này Đ khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013921 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận Đ tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Tr, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 19/2022/QĐ-SCBSBA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lục Nam, ngày 20 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn trong Bản án số: 117A/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lương Thị Th, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Tr, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Tr, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số: 117A/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam như sau:

- Tại trang 1 dòng thứ 04 từ dưới lên; trang 3 dòng thứ 7 và 21; trang 5 dòng thứ 4 và 6 từ trên xuống của bản án có ghi: “ *chị Nguyễn Thị Th*”.

Nay Đ sửa chữa như sau: “ *chị Lương Thị Th*”

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS+VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thế Vinh